

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 08 tháng 10 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiều.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ân, ông Tống Đức Bách.

- Thư ký phiên toà: ông Hoàng Văn Đạng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HS ngày 04/6/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 24/9/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Sùng Nở S (Tên gọi khác: Không); sinh năm 1985, tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn Lùng Púng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Dũng S, sinh năm 1960 và bà Vàng Thị M, sinh năm 1964; vợ: Vàng Thị M1, sinh năm 1986; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2014; nhân thân: Tốt; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/4/2018, hiện đang bỏ trốn và việc truy nã không có kết quả.

Vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Hoàng Ngọc C - Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang.

Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang - Người đại diện theo pháp luật ông Tạ Quang B - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Vàng Dũng H, Cháng Thị L.

Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hạng Đình C.

Trú tại: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/11/2017, Sùng Nỏ S sinh năm 1985, trú tại thôn Lùng Púng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang một mình mang theo 01 (một) máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu đỏ, đen lên khu vực rừng phòng hộ thuộc thôn Lùng Púng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, S đi đến khu vực Lô 32 khoảnh 8 tiểu khu 93 E rừng phòng hộ tự nhiên thuộc thôn Lùng Púng, xã Đ quan sát một lúc thấy không có người liền dùng máy cưa xăng cầm tay mang theo chặt hạ 01 cây gỗ nghiêng có khối lượng là $21,88m^3$ gỗ quy tròn; cây gỗ nghiêng trên trước đó S đã đến xem chọn và đánh dấu to khoảng 2 đến 3 người ôm. Sau khi chặt hạ cây gỗ nghiêng xong thì trời tối, S cầm máy cưa xăng về nhà cất. Đến ngày 07/11/2017, S một mình quay lại chỗ cây gỗ nghiêng đã chặt hạ để đo đạc, đánh dấu chuẩn bị khai thác (cắt, xẻ lấy gỗ làm nhà), khi S đang đứng trên thân cây để xem xét thì vợ chồng anh Vàng Dững H, Cháng Thị L trú tại thôn Ngải Sảng B, xã D, huyện Y, tỉnh Hà Giang đi lấy củi nhìn thấy; khi đó, vợ chồng Vàng Dững H có hỏi *“Bố mình ơi anh đi về nhà thì anh bảo em trai của anh lên nhà ông lấy hòm nhá”*, S trả lời *“Ờ anh về đến nhà anh sẽ bảo”*, sau đó S đi về nhà mình; còn vợ chồng Vàng Dững H đến khu vực gần gốc cây bị chặt hạ để lấy củi thì tổ tuần tra của Hạt kiểm lâm huyện Y phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân xã Đ đến và hỏi Vàng Dững H ai là người cưa đổ gốc cây trên thì Vàng Dững H nói *“Không biết, vợ chồng tôi đến đây thì thấy anh Sùng Nỏ S trú tại thôn Lùng Púng, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang đang đứng nhổ cây phong lan ở cái cây này vừa đi về”*. Sau đó, Công an xã Đ và cán bộ Kiểm lâm huyện Y mời Sùng Nỏ S đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang làm việc thì S đã thừa nhận toàn bộ hành vi khai thác lâm sản trái phép của mình; đồng thời ngày 09/11/2017, Sùng Nỏ S đã tự nguyện giao nộp chiếc máy cưa xăng cầm tay dùng để chặt hạ cây gỗ nghiêng trên cho cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 12/KL-HĐĐG ngày 18/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Y kết luận: $21,88m^3$ gỗ nghiêng quy tròn (*nhóm gỗ IIA*), có giá thị trường thời điểm tháng 11 năm 2017 là 153.160.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS-YM ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Sùng Nỏ S về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên Tòa bị cáo vắng mặt, tuy nhiên lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo đúng quy định của pháp luật đồng thời không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường cho nhà nước thiệt hại về gỗ rừng đã gây ra, vì thấy S và gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, không có tài sản nên không có khả năng bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Sùng Nỏ S phạm tội: “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”; áp dụng khoản 2 Điều 175; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ ban hành danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo thuộc diện người cận nghèo không có khả năng thi hành.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu để sung quỹ nhà nước đối với 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 lam xích màu trắng kích thước 7,65 x 8,5 cm hai mặt có chữ Huspanda và 01 lưỡi cưa dạng xích màu đen đã qua sử dụng; 01 cây gỗ nghiêng (thân, cành) bị chặt hạ có tổng khối lượng là 21,88m³ gỗ quy tròn.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng: hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng” do vậy việc điều tra, truy tố, xét xử bị cáo là đúng người đúng tội đúng pháp luật, hành vi của bị cáo phải bị xử lý bằng biện pháp hình sự. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật vì trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, mặt khác bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo không được học hành nên nhận thức pháp luật hạn chế, việc phạm tội xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống và theo phong tục lâu đời của dân tộc mình là làm nhà bằng gỗ nên bị cáo mới phạm tội, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và các quy định có lợi cho bị cáo theo quy định của pháp luật để khi lượng hình sao cho phù hợp với tính chất và mức độ mà bị cáo đã gây ra đề nghị

HĐXX xử phạt bị cáo từ 24 đến 26 tháng tù; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, đều được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Sùng Nỏ S vắng mặt và việc truy nã bị cáo không có kết quả, tuy nhiên trong các tài liệu có trong hồ sơ bị cáo đã khai nhận vì muốn có gỗ để làm nhà, mặc dù không được cấp có thẩm quyền cho phép nhưng ngày 05/11/2017 bị cáo đem theo 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 đi bộ một mình lên khu vực rừng phòng hộ thuộc thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang chặt hạ 01 cây gỗ Nghiến (nhóm gỗ IIA) có khối lượng 21,88m³ gỗ quy tròn, có giá thị trường thời điểm tháng 11 năm 2017 là 153.160.000^d (Một trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập và lưu trong hồ sơ vụ án gồm biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản xác định địa điểm, vị trí, loại rừng, chủng loại, số lượng, khối lượng lâm sản thiệt hại ... Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: ngày 05/11/2017 bị cáo Sùng Nỏ S một mình lên khu vực rừng phòng hộ thuộc thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang đem theo cưa xăng cầm tay chặt hạ 01 cây gỗ Nghiến (nhóm gỗ IIA) có khối lượng 21,88m³ gỗ quy tròn, có giá trị 153.160.000^d.

Theo kết quả xác minh điều tra của Hạt Kiểm lâm huyện tại vị trí bị cáo khai thác trái phép cây rừng, đối chiếu với bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp thì khu vực bị cáo khai thác rừng thuộc Lô 32 khoảnh 8 tiểu khu 93E, là rừng phòng hộ tự nhiên do cộng đồng thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Hà Giang quản lý, bảo vệ; kết quả xác định nhóm gỗ ngày 10/11/2017 của Hạt Kiểm lâm huyện Y đã xác định có 01 cây gỗ nghiến bị chặt hạ, theo Nghị định 32/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ, về việc quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; gỗ nghiến thuộc nhóm IIA trong danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm cấm khai thác. Khối lượng gỗ bị cáo khai thác trái phép đã vượt quá hai lần mức tối đa quy định về xử

phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 12 của Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản nhưng chưa vượt quá bốn lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính theo hướng dẫn tại tiểu mục 1.5 và 1.6 mục 1 phần IV của Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08 tháng 3 năm 2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Do đó, hành vi khai thác trái phép cây rừng của bị cáo Sùng Nỏ S đã vi phạm khoản 1 Điều 12 của Luật Bảo vệ và phát triển rừng, đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt đến 10 năm tù.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đã trực tiếp gây thiệt hại cho nhà nước, làm thu hẹp diện tích rừng tự nhiên, đồng thời còn là một trong những nguyên nhân khiến con người phải hứng chịu ngày càng nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan và ngày càng khốc liệt, như bão lụt, lũ quét, lở đất, gây nên sự mất cân bằng sinh thái, dẫn đến sự biến đổi khí hậu thất thường và phát sinh nhiều loại dịch bệnh, chính vì vậy nên cần phải xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét thấy tại điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản thì hành vi khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 20 mét khối trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Như vậy mức hình phạt quy định tại điểm d khoản 3 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015 nặng hơn mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; do vậy không có lợi cho bị cáo, cần áp dụng khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để áp dụng hình phạt phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

Do vậy, quan điểm của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 12 của Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ để xử phạt bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo thuộc diện người cận nghèo do vậy không có điều kiện kinh tế để nộp phạt, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự không đề nghị bị cáo phải bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng của vụ án: Cần áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với: 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 lam xích màu trắng kích thước 7,65 x 8,5 cm hai mặt có chữ Huspanda và 01 lưỡi cưa dạng xích màu đen đã qua sử dụng. 01 cây gỗ nghiêng (thân, cành) bị chặt hạ có tổng khối lượng là 21,88m³ gỗ quy tròn.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Tuyên bố bị cáo Sùng Nỏ S phạm tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”

- Áp dụng khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 1 Điều 12 của Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006 của Chính phủ.

Xử phạt bị cáo Sùng Nỏ S 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án;

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu để sung quỹ Nhà nước đối với: - 01 máy cưa xăng cầm tay nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 màu đỏ, đen đã qua sử dụng; 01 lam xích màu trắng kích thước 7,65 x 8,5 cm hai mặt có chữ Huspanda và 01 lưỡi cưa dạng xích màu đen đã qua sử dụng (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y lập ngày 10/7/2018)

- 01 cây gỗ nghiêng (thân, cành) bị chặt hạ có tổng khối lượng là 21,88m³ gỗ quy tròn. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y lập ngày 18/7/2018)

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Sùng Nở S phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vụ án được xét xử công khai người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 công an tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Y;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Chiêu